

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

Tháng 05 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm báo cáo		Năm trước năm báo cáo	
		Số phát sinh kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Số phát sinh kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
A. Xác định Kết quả hoạt động đã thực hiện					
I	Thu nhập từ hoạt động Đầu tư đã thực hiện	(564.354.323)	664.482.914	(7.695.222.739)	7.711.741.469
1	Cổ tức được nhận	1.333.263.000	2.866.670.600	1.079.690.500	2.836.587.900
2	Lãi trái phiếu được nhận	493.521.244	2.645.646.120	1.437.179.874	9.532.922.559
3	Lãi tiền gửi	1.627.250.124	7.655.350.153	-	167.616.111
4	Thu nhập bán chứng khoán	(4.018.388.691)	(12.503.183.959)	(10.212.093.113)	(4.825.385.101)
5	Thu nhập khác	-	-	-	-
II	Chi phí	747.385.484	5.174.176.905	774.099.343	4.929.882.322
1	Phí Quản lý Quỹ	668.392.088	3.509.445.585	743.925.985	3.771.660.723
2	Phí lưu ký, giám sát, quản lý tài sản Quỹ	27.404.076	143.887.269	29.757.039	150.866.428
3	Chi phí họp, đại hội	-	943.140.000	-	627.297.840
4	Chi phí Kiểm toán	-	2.454.540	-	-
5	Chi phí tư vấn, đánh giá	-	-	-	-
6	Phí in báo cáo thường niên	-	271.392.000	-	-
7	Các loại phí khác	51.589.320	303.857.511	416.319	380.057.331
III	Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ (I - II)	(1.311.739.807)	(4.509.693.991)	(8.469.322.082)	2.781.859.147
B. Xác định kết quả chưa thực hiện					
I	Thu nhập	-	19.289.486.494	-	19.026.991.152
1	Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán	-	19.289.486.494	-	19.026.991.152
2	Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	-	-	-	-
II	Chi phí	19.520.029.605	49.987.237.186	7.091.513.687	29.890.465.387
1	Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	19.520.029.605	49.987.237.186	7.091.513.687	29.890.465.387
2	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	-	-	-	-
III	Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện cuối kỳ (I - II)	(19.520.029.605)	(30.697.750.692)	(7.091.513.687)	(10.863.474.235)



Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Dịch vụ Quản lý Quỹ
Bộ Phận Dịch vụ Chứng Khoán HSBC

Người lập biểu

[Signature]
Lê T. Thủy Phương

Công ty quản lý quỹ

KT. Kế toán trưởng
Trưởng phòng
Giao dịch Quản lý Quỹ

[Signature]
Trần T. Kiên

Giám đốc *[Signature]*



Henk Ruitenberg

BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ

Tháng 05 năm 2011

1. Tên Công ty Quản lý Quỹ: Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Prudential Việt Nam
2. Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
3. Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư cân bằng Prudential - PRUBF1
4. Ngày lập báo cáo: 03/06/2011

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
Việt Nam
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Số: 14233
Giờ: Ngày 7 tháng 6 năm 11
Đơn vị tính: VND

STT	Tài sản	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Chênh lệch kỳ báo cáo so với kỳ trước
I.1	Tiền	141.345.798.795	145.287.561.091	(3.941.762.296)
I.2	Các khoản Đầu tư	251.510.701.378	271.442.098.972	(19.931.397.594)
I.2.1	Trái phiếu	45.252.249.678	50.868.844.272	(5.616.594.594)
I.2.2	Cổ phiếu	206.258.451.700	220.573.254.700	(14.314.803.000)
I.2.2.1	Cổ phiếu niêm yết	194.430.451.700	208.105.954.700	(13.675.503.000)
I.2.2.2	Cổ phiếu chưa niêm yết	11.828.000.000	12.467.300.000	(639.300.000)
I.2.3	Chứng khoán khác	-	-	-
	Quyền mua cổ phiếu	-	-	-
I.3	Cổ tức sẽ được nhận	458.500.000	65.219.600	393.280.400
I.4	Lãi sẽ được nhận	2.807.632.180	1.998.394.212	809.237.968
I.5	Tiền bán Chứng khoán phải thu	6.088.923.748	8.618.405.646	(2.529.481.898)
I.6	Các khoản phải thu khác	-	-	-
I.7	Các Tài sản khác	-	-	-
	Đặt cọc mua cổ phiếu	-	-	-
I.8	Tổng Tài sản	402.211.556.101	427.411.679.521	(25.200.123.420)
STT	Nợ			
II.1	Tiền phải thanh toán mua Chứng khoán	511.162.284	4.836.425.355	(4.325.263.071)
II.2	Các khoản phải trả khác	1.360.937.195	1.404.028.132	(43.090.937)
II.2.1	Phí quản lý	668.392.088	703.172.047	(34.779.959)
II.2.2	Phí lưu ký, giám sát	27.404.076	28.830.054	(1.425.978)
II.2.3	Phải trả phí kiểm toán	-	-	-
II.2.4	Phải trả thuế thu nhập cá nhân	5.744.000	3.344.000	2.400.000
II.2.5	Phải trả khác	659.397.031	668.682.031	(9.285.000)
II.3	Tổng nợ	1.872.099.479	6.240.453.487	(4.368.354.008)
STT	Các chỉ tiêu khác			
III.1	Tài sản ròng của Quỹ (I.8-II.3)	400.339.456.622	421.171.226.034	(20.831.769.412)
III.2	Tỷ lệ tổng nợ trên tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ	0,47%	1,48%	-1,01%
III.3	Tổng số Đơn vị Quỹ/Chứng chỉ Quỹ	50.000.000	50.000.000	-
III.4	Giá trị tài sản ròng NAV của một Đơn vị Quỹ/Chứng chỉ Quỹ	8.007	8.423	(417)



Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC



Henk Ruitenber

me

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Tháng 05 năm 2011

1. Tên Công ty Quản lý Quỹ: Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Prudential Việt Nam
2. Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
3. Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư cân bằng Prudential - PRUBF1
4. Ngày lập báo cáo: 03/06/2011

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
I	Giá trị Tài sản ròng đầu kỳ của Quỹ	421.171.226.034	416.784.017.263
II	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	(20.831.769.412)	4.387.208.771
	Trong đó		
1	Thay đổi giá trị Tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	(20.831.769.412)	4.387.208.771
2	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà Đầu tư trong kỳ	-	-
III	Giá trị Tài sản ròng cuối kỳ	400.339.456.622	421.171.226.034
IV	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ	8.007	8.423



Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC



Henk Ruitenber

Handwritten signature